

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1 Tên môn học : KỸ NĂNG NGHE 2

1.2 Mã môn học : JAPA1203

1.3 Trình độ : Sinh viên năm 1 (học kỳ II) - hệ Đại học

1.4 Ngành : Biên-phiên dịch Tiếng Nhật

1.5 Khoa: Ngoại ngữ

1.6 Số tín chỉ : 2 tín chỉ

1.7 Yêu cầu đối với môn học :

- Điều kiện tiên quyết : Kỹ năng Nghe I

1.8 Yêu cầu đối với sinh viên

- **Dự lớp:** dự đầy đủ các buổi học, sinh viên không được nghỉ quá 30% số tiết
- **Bài tập:** Nghe và học thuộc từ vựng, ngữ pháp trước khi đến lớp
- **Dụng cụ học tập:** đem đầy đủ sách, tài liệu hỗ trợ giảng viên yêu cầu

2. MÔ TẢ MÔN HỌC VÀ MỤC TIÊU

- Môn học có mặt bằng kiến thức và kỹ năng đồng bộ với môn học Tiếng Nhật tổng hợp II, nội dung các bài nghe được sắp xếp theo thứ tự từ dễ đến khó và được giảng dạy song song với phần văn phạm thuộc học phần Tiếng Nhật tổng hợp II.
- Mỗi bài nghe đều có phần nghe và trả lời câu hỏi, nghe trắc nghiệm và nghe chọn hình tương ứng.
- Ngoài việc giúp sinh viên luyện, nâng cao khả năng nghe, cách nắm bắt thông tin thông qua các bài thoại ngắn làm nền tảng cơ sở cho việc học tiếp ở các học kỳ sau; môn học còn hướng đến mục tiêu là giúp sinh viên nghe và chỉnh sửa lại những lỗi phát âm chưa chuẩn xác, làm quen với tốc độ nói chuyện của người Nhật qua băng , đĩa để sinh viên không bỡ ngỡ khi giao tiếp với người Nhật trong thực tế. Hiểu được văn hóa của người Nhật trong giao tiếp.

3. NỘI DUNG CHI TIẾT MÔN HỌC

- Phần I: các bài nghe trong giáo trình Minna no Nihongo Shokyuu I Choukai Task
Mục tiêu: giúp sinh viên nghe và hiểu được nội dung, cách nắm bắt thông tin của mỗi dạng bài nghe. Đồng thời, chỉnh sửa cho sinh viên có được cách phát âm chuẩn xác và nói được tự nhiên hơn.
- Phần II: các bài nghe chọn lọc từ bộ đề thi năng lực tiếng Nhật.
Mục tiêu: nhằm giúp sinh viên có kỹ năng nghe tốt hơn, biết cách trả lời nắm bắt thông tin chuẩn bị cho kỳ thi năng lực Nhật ngữ được tổ chức hằng năm.

STT	BÀI GIẢNG	MỤC TIÊU	MỤC, TIÊU MỤC
1	Bài 14 → 16	Động từ thể [TE] và các mẫu câu đi kèm có sử dụng thể [TE] Biết phân biệt nhóm động từ, chuyển được sang thể [TE□]. Nhớ được ý nghĩa cách sử dụng những mẫu câu có thể [TE] trong mỗi trường hợp. Sau khi nghe xong có thể nói lại phần đã nghe bằng tiếng Nhật.	Bài 14, 15, 16: mục 1, 2, 3, 4 (g.trình Choukai Task) + Mondai 1,2,3
2	Bài 17	Động từ thể [NAI□] và các mẫu câu có sử dụng thể [NAI□] . Nghe và ghi chú lại được những yêu cầu, cho phép hay buộc làm.. / những việc mà nhân vật đã nói phải cho phép làm hay không phải làm...	Bài 17: mục 1, 2, 3, 4 (g.trình Choukai Task) + Mondai 1, 2, 3

3	Bài 18	Động từ thể [□RU] nghe và lấy được thông tin: nhân vật có thể làm gì, sở thích của nhân vật... Nhớ được thứ tự hành động của nhân vật, trước khi làm gì thì đã làm gì. Nghe và nói lại không ghi chú	Bài 18: mục 1, 2, 3, 4 (g.trình Choukai Task) Mondai 1, 2, 3
4	Bài 19	Động từ thể[TA]. Nghe và cho biết nhân vật đã từng làm gì ở Nhật và biết cách miêu tả hay nói về sự thay đổi trạng thái của sự việc.	Bài 7: mục 1, 2, 3 (g.trình Choukai Task) Mondai 1, 2, 3
5	Bài 20	Nghe và làm quen với cách nói thân mật của người Nhật trong cuộc sống thường ngày	Bài 20: mục 1, 2, 3, 4 (g.trình Choukai Task) Mondai 1, 2, 3
6	Bài 21	Nghe và trích dẫn lại lời nói của nhân vật, nắm bắt được thông tin, suy nghĩ của người nói.	Bài 21: mục 1, 2, 3, 4 (g.trình Choukai Task) + Mondai 1, 2, 3
7	Bài 22	Nghe và nắm bắt được những số liệu xuất hiện trong bài. Bài nghe giúp sinh viên nhớ rõ hơn cách ứng dụng mệnh đề bổ nghĩa để miêu tả cụ thể hơn rõ ràng hơn về đặc điểm tính chất của đồ vật hay một ai đó	Bài 22: mục 1, 2, 3, 4 (g.trình Choukai Task) Mondai 1, 2, 3
8	Bài 23	Ứng dụng những mẫu câu đã học, bài nghe nhằm mục đích nâng cao vốn từ cho người học, và giúp người học hiểu rõ hơn, nhớ và có thể ứng dụng trong cuộc sống về cách nói có nội dung chỉ dẫn cách thức đi lại, sử dụng đồ vật ...	Bài 23: mục 1, 2, 3, 4 (g.trình Choukai Task) + Mondai 1, 2, 3
9	Bài 24	Nghe và lấy ý chính xác ai làm gì cho ai, ai làm cho tôi điều gì hay ai được ai làm gì cho.	Bài 24: mục 1, 2, 3, 4 (g.trình Choukai Task) +Mondai 1, 2, 3
10	Bài 25	Nghe và cho biết những dự định của nhân vật. Sinh viên sẽ diễn đạt lại theo văn phong của bản thân và phải sử dụng cách nói kết hợp với những mẫu câu đã học	Bài 25: mục 1, 2, 3 (g.trình Choukai task) + Mondai 1, 2, 3

4. HỌC LIỆU

- Giáo trình môn học: Minna no Nihongo Shokyuu I Choukai TaskI
- Tài liệu tham khảo: giáo viên sẽ chọn lọc từ các giáo trình và cung cấp

5. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY – HỌC TẬP

CHƯƠNG	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY MÔN HỌC					Tổng
	Thuyết trình			Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Phần 1	5 tiết					5
Phần 2	20 tiết			5 tiết		25

6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Thang điểm: /10

Điểm giữa kỳ (điểm quá trình): 30%

Điểm thi cuối kỳ: 70%

Quy định thang điểm giữa kỳ

STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm chuyên cần (điểm danh)	0,1
2	Điểm tích cực xây dựng bài / chuẩn bị bài	0,3
3	Điểm trung bình các bài kiểm tra	0,6

7. GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

- Họ và tên: Phạm Minh Tú
- Chức danh: Giảng viên cơ hữu Trường Đại học Mở TP.HCM

- Học hàm, học vị: Cử nhân Tiếng Nhật
- Địa điểm làm việc; Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Mở TP.HCM
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, phòng 311, lầu 3 Đại học Mở TP.HCM
- Điện thoại: 083-930-0949
- Email: pmt891@yahoo.com

TP.HCM, ngày 05 tháng 01 năm 2010

Ban giám hiệu

Trưởng phòng QLĐT

P. Trưởng khoa